TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH SƠN** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **54**/2021/QĐST-HNGĐ	*Bình Sơn, ngày 19 tháng 7 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118 và Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự sơ thẩm thụ lý số: 280/2021/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, về việc: *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, cấp dưỡng"*, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Võ Thị M, sinh năm 1991;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xóm N, thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

Chỗ ở hiện nay: xóm 1, thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

- Anh Võ Phú N, sinh năm 1991;

Cư trú tại: xóm N, thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị M và Anh Võ Phú N kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi theo giấy chứng nhận kết hôn số 69/2014, ngày 09/9/2014. Quá trình sống chung, giữa chị M và anh N xảy ra mâu thuẫn, hôn nhân không có hạnh phúc, vợ chồng không còn sống chung nên anh chị thống nhất ly hôn và cùng yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy việc Chị Võ Thị M và Anh Võ Phú N cùng yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với tình trạng hôn nhân

thực tế và quy định của pháp luật nên được Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa anh, chị.

[2] Về con chung: Chị Võ Thị M và Anh Võ Phú N xác định giữa anh chị có hai con chung, gồm: cháu Võ Lê Bảo Tr, sinh ngày 21/3/2015 và cháu Võ Lê Phú T, sinh ngày 14/10/2017, hiện anh N đang chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh chị thỏa thuận giao cả hai con chung cho Anh Võ Phú N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Xét thấy việc Chị Võ Thị M và Anh Võ Phú N thỏa thuận việc giao nuôi con là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được Tòa án công nhận.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Võ Thị M và Anh Võ Phú N thỏa thuận về việc chị M có nghĩa vụ cấp dưỡng hàng tháng cho cháu Võ Lê Bảo Tr, mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/tháng (một triệu đồng).

Xét thấy thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con giữa chị M và anh N là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Tòa án công nhận.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[5] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Đã hết thời hạn 7 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị M và Anh Võ Phú N thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Giao các cháu: Võ Lê Bảo Tr, sinh ngày 21 tháng 3 năm 2015 và cháu Võ Lê Phú T, sinh ngày 14 tháng 10 năm 2017 cho Anh Võ Phú N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

1.3. Việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Võ Thị M có nghĩa vụ cấp dưỡng hàng tháng cho cháu Võ Lê Bảo Tr, mức cấp dưỡng định kỳ mỗi tháng là 1.000.000 đồng (một triệu đồng). Thời gian thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày 19/7/2021 cho đến khi cháu Võ Lê Bảo Tr đủ 18 tuổi.

Anh Võ Phú N là người đại diện cho con chưa thành niên yêu cầu Chị Võ Thị M thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng và nhận tiền cấp dưỡng nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con sau ly hôn được thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom con chung. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người

trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và các quy định khác của pháp luật.

1.4. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

1.5. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), Chị Võ Thị M và Anh Võ Phú N mỗi người phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được khấu trừ số tiền đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0003814 ngày 07/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND, CCTHADS huyện Bình Sơn;
- UBND xã Bình Mỹ, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi *(Đăng ký kết hôn số 69, ngày 09/9/2014)*;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Đoàn Kiều Trung